UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 360 /BC-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây ninh, ngày 14 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021
(ĐẾN 10/09/2021)

Thực hiện Thông báo số 6447/TB-VP ngày 04/9/2020 của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Dương Văn Thắng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị giao ban xây dựng cơ bản tháng 8 năm 2020

Sở Tài chính báo cáo công khai tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 (bao gồm vốn địa phương và vốn trung ương) đến 10/09/2021 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
A	**B**	**1**	**2=3+4**	3	4	**5**	**6**	**7=8+9**	8	9	**10**	**11**	**12=7/2**	**13=10/5**
TỔNG CỘNG (A+B)		**5,056,859**	**4,882,288**	4,554,270	328,018	**174,571**	**2,385,912**	**2,345,830**	2,294,670	51,160	**40,082**	**47**	**48**	**23**
A	**TỈNH QUẢN LÝ**	**2,787,433**	**2,638,620**	2,538,620	100,000	**148,813**	**1,048,293**	**1,021,168**	999,094	22,074	**27,125**	**38**	**39**	**18**
I	**Sở Giao thông Vận tải Tây Ninh**	**5,737**	**5,737**	**5,737**	**0**	**0**	**5,736**	**5,736**	**5,736**	**0**	**0**	**100**	**100**	**0**
	Thực hiện dự án	5,737	5,737	5,737	0	0	5,736	5,736	5,736	0	0	100	100	0
1	Đường 794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 1)	5,737	5,737	5,737			5,736	5,736	5,736			100	100	0
II	**Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh**	**78,001**	**78,001**	**78,001**	**0**	**0**	**48,586**	**48,586**	**48,586**	**0**	**0**	**62**	**62**	**0**
	Thực hiện dự án	78,001	78,001	78,001	0	0	48,586	48,586	48,586	0	0	62	62	0
1	Hệ thống tưới tiêu phía tây sông Vàm cỏ Đông (giai đoạn 1)	77,500	77,500	77,500			48,155	48,155	48,155			62	62	0
2	Vùng lúa chất lượng cao xã An Thạnh, huyện Bến Cầu	432	432	432	0		431	431	431			100	100	0
3	Trạm bơm Long Phước A, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	69	69	69	0		0	0	0			0	0	0
III	**Sở Tài nguyên & Môi trường**	**60,185**	**56,827**	**56,827**	**0**	**3,358**	**1,193**	**966**	**966**	**0**	**227**	**2**	**2**	**7**
	Vốn kéo dài	3,358	0	0	0	3,358	227	0	0	0	227	7	0	7
1	Tăng cường quản lý đất đai và CSDL đất đai trên ĐB TN	3,358	0		0	3,358	227	0	0		227	7	0	7
	Thực hiện dự án	56,827	56,827	56,827	0	0	966	966	966	0	0	2	2	0
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (VILG)	56,827	56,827	56,827			966	966	966			2	2	0
IV	**Sở Thông tin và Truyền thông**	**72,900**	**72,900**	**72,900**	**0**	**0**	**17,535**	**17,535**	**17,535**	**0**	**0**	**24**	**24**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	400	400	400			0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trang bị hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự tập trung	200	200	200			0	0	0			0	0	0
2	Xây dựng hệ thống Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	200	200	200			0	0	0			0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
	Thực hiện dự án	72,500	72,500	72,500	0	0	17,535	17,535	17,535	0	0	24	24	0
1	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số	27,000	27,000	27,000			8,000	8,000	8,000			30	30	0
2	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng Chính quyền số đến năm 2025	16,400	16,400	16,400			343	343	343			2	2	0
3	Bổ sung, nâng cấp thiết bị bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	10,000	10,000	10,000			3,568	3,568	3,568			36	36	0
4	Bổ sung, nâng cấp hệ thống giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu và trung tâm giám sát điều hành tập trung của tỉnh	5,100	5,100	5,100			1,613	1,613	1,613			32	32	0
5	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP)	8,000	8,000	8,000			3,864	3,864	3,864			48	48	0
6	Nâng cấp hoàn thiện các giải pháp chính quyền điện tử để hướng tới Chính quyền số	6,000	6,000	6,000			147	147	147			2	2	0
V	**Sở Lao động Thương binh và Xã hội**	**155**	**155**	**155**	**0**	**0**	**154**	**154**	**154**	**0**	**0**	**100**	**100**	**0**
	Thực hiện dự án	155	155	155	0	0	154	154	154	0	0	100	100	0
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh TN	155	155	155			154	154	154			100	100	0
VI	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**928**	**928**	**928**	**0**	**0**	**518**	**518**	**518**	**0**	**0**	**56**	**56**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	400	400	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Dự án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo QĐ 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018	200	200	200			0	0	0			0	0	0
2	Xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên, học sinh	200	200	200			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	528	528	528	0	0	518	518	518	0	0	98	98	0
1	Trường TH Long Phước, điểm Tây, Bến Cầu	42	42	42			41	41	41			99	99	0
2	Trường TH Tiên Thuận B, điểm ấp A, Bến Cầu	41	41	41			41	41	41			100	100	0
3	Trường TH Long Chữ A, điểm Long Tân, Bến Cầu	42	42	42			42	42	42			100	100	0
4	Trường TH Long Thuận B, điểm Long An, Bến Cầu	49	49	49			49	49	49			99	99	0
5	Trường TH Hòa Đông A, điểm Dân Sinh, Tân Biên	23	23	23			22	22	22			97	97	0
6	Trường TH Hòa Đông A, điểm Thanh Niên, Tân Biên	23	23	23			22	22	22			97	97	0
7	Trường TH Thạnh Tây B, điểm Trảng Dòng, Tân Biên	22	22	22			21	21	21			95	95	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
8	Trường TH Tân Phong C, điểm Chót Mạt, Tân Biên	19	19	19			18	18	18			97	97	0
9	Trường TH An Thạnh, điểm ấp Voi, Bến Cầu	24	24	24			23	23	23			96	96	0
10	Trường TH Tiên Thuận C, điểm Bàu Ong, Bến Cầu	24	24	24			23	23	23			96	96	0
11	Trường TH Long Khánh, điểm Long Cường, Bến Cầu	19	19	19			18	18	18			96	96	0
12	Trường TH Tân Lập, điểm Lò Than, Tân Biên	2	2	2			2	2	2			94	94	0
13	Trường TH Thạnh Bình B, điểm Cây Cầy, Tân Biên	10	10	10			9	9	9			92	92	0
14	Trường TH Tân Phong A, điểm Bàu Xôm, Tân Biên	19	19	19			19	19	19			100	100	0
15	Trường TH Tân Thạnh, điểm Tân Nam, Tân Biên	17	17	17			17	17	17			98	98	0
16	Trường TH Tân Lập, điểm Nông Trường, Tân Biên	13	13	13			13	13	13			99	99	0
17	Trường TH Hòa Hiệp, điểm Hòa Lợi, Tân Biên	20	20	20			20	20	20			100	100	0
18	Trường TH Thạnh Sơn, điểm Thạnh Nam, Tân Biên	21	21	21			20	20	20			96	96	0
19	Sửa chữa, cải tạo Trường TH huyện Bến Cầu	26	26	26			25	25	25			98	98	0
20	Sửa chữa, cải tạo Trường TH huyện Tân Biên	54	54	54			54	54	54			100	100	0
21	Trường TH Thạnh Bắc A, điểm Xóm Chàm, Tân Biên	17	17	17			17	17	17			98	98	0
22	Trường TH Mỏ Công, điểm Gò Đá, Tân Biên	1	1	1			1	1	1			76	76	0
VII	**Sở Y tế**	**9,554**	**9,554**	**9,554**	**0**	**0**	**8,390**	**8,390**	**8,390**	**0**	**0**	**88**	**88**	**0**
	Thực hiện dự án	9,554	9,554	9,554	0	0	8,390	8,390	8,390	0	0	88	88	0
1	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện tỉnh Tây Ninh	9,500	9,500	9,500			8,390	8,390	8,390			88	88	0
3	Đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế	54	54	54			0	0	0			0	0	0
VIII	**Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**	**3,133**	**2,813**	**2,813**	**0**	**320**	**2,000**	**2,000**	**2,000**	**0**	**0**	**64**	**71**	**0**
	Vốn kéo dài	320	0	0	0	320	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Trụ sở làm việc Trung tâm văn hóa Nghệ thuật Tỉnh	320	0			320	0	0			0	0	0	0
	Thực hiện dự án	2,813	2,813	2,813	0	0	2,000	2,000	2,000	0	0	71	71	0
1	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	2,450	2,450	2,450			1,637	1,637	1,637			67	67	0
2	Tượng đài chiến thắng Junction City	363	363	363			362	362	362			100	100	0
IX	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**22,000**	**22,000**	**22,000**	**0**	**0**	**13,291**	**13,291**	**13,291**	**0**	**0**	**60**	**60**	**0**

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
	Thực hiện dự án	22,000	22,000	22,000	0	0	13,291	13,291	13,291	0	0	60	60	0
1	*Lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050*	22,000	22,000	22,000			13,291	13,291	13,291			60	60	0
X	**Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**	**4,181**	**4,181**	**4,181**	**0**	**0**	**3,287**	**3,287**	**3,287**	**0**	**0**	**79**	**79**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	780	780	780	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đường ĐD.6A Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	500	500	500			0	0	0			0	0	0
2	Kênh thoát nước Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	280	280	280			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	3,401	3,401	3,401	0	0	3,287	3,287	3,287	0	0	97	97	0
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo, sữa chữa Trạm Kiểm soát cửa khẩu Mộc Bài.	3,401	3,401	3,401			3,287	3,287	3,287			97	97	0
XI	**BQLDA ĐTXD Giao thông**	**1,353,235**	**1,223,118**	**1,123,118**	**100,000**	**130,117**	**470,750**	**451,600**	**429,526**	**22,074**	**19,150**	**35**	**37**	**15**
	Chuẩn bị đầu tư	300	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiểu dự án đường mòn Bàu Tà On (thuộc dự án Đường ra cửa khẩu Biên Mậu)	300	300	300			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	1,222,818	1,222,818	1,122,818	100,000	0	451,600	451,600	429,526	22,074	0	37	37	0
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT 782 - ĐT 784 (từ ngã ba tuyến tránh QL22B đến ngã tư Tân Bình)	150,000	150,000	150,000			98,352	98,352	98,352			66	66	0
2	Đường Đất Sét -Bến Củi	95,000	95,000	95,000			32,973	32,973	32,973			35	35	0
3	Cầu An Hòa	90,000	90,000	90,000			34,993	34,993	34,993			39	39	0
4	Đường Trần Phú (đoạn từ cửa số 7 nội ô Tòa Thánh đến QL22B)	50,000	50,000	50,000			20,396	20,396	20,396			41	41	0
5	Đường ĐT.781 đoạn Phước Tân - Châu Thành, thuộc dự án đường ra cửa khẩn Biên Mậu	55,000	55,000	55,000			55,000	55,000	55,000			100	100	0
6	Nâng cấp, mở rộng ĐT.793-ĐT.792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc)	151,000	151,000	51,000	100,000		56,071	56,071	33,997	22,074		37	37	0
8	Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	170,000	170,000	170,000			124,186	124,186	124,186			73	73	0
9	Đường ĐT.790 nối dài, đoạn từ đường Khedol - Suối Đá (ĐT.790B) đến Bờ Hồ - Bàu Vuông - Cống số 3 (ĐT.781B) giai đoạn 2	14,000	14,000	14,000			13,323	13,323	13,323			95	95	0
10	Làm đường ra biên giới xã Ninh Điền	26,000	26,000	26,000			13,116	13,116	13,116			50	50	0
11	Đường huyện 12, xã Biên Giới, huyện Châu Thành	221	221	221			220	220	220			100	100	0
12	Nâng cấp, cải tạo và ngầm hóa đường 30/4	3,341	3,341	3,341			2,970	2,970	2,970			89	89	0
13	Nâng cấp, mở rộng ĐT.795	118,256	118,256	118,256			0	0	0			0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
14	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT 787B-DT 789	300,000	300,000	300,000			0	0	0			0	0	0
	Vốn kéo dài	130,117	0	0	0	130,117	19,150	0	0	0	19,150	15	0	15
1	Đường 781 đoạn từ ngã ba bờ hồ Dầu Tiếng đến địa giới tỉnh Bình Dương	17,917				17,917					0	0	0	0
2	Đường Trưng Nữ Vương đoạn từ cầu Thái Hòa đến QL22B	7,366				7,366					3,299	0	0	45
3	Đường và cầu Bến Cây Ổi	2,680				2,680					1,500	0	0	56
4	Nâng cấp mở rộng ĐT 795	400				400					201	0	0	50
5	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT 787B-DT 789	500				500					415	0	0	83
6	NC, MR ĐT.782-ĐT.784 (đoạn từ ngã ba tuyến tránh QL.22 đến ngã tư Tân Bình)	96,254				96,254					13,736	0	0	14
7	Tiểu dự án BT GPMB-Đường cao tốc Tp.HCM-MBai (TâyNinh)	5,000				5,000					0	0	0	0
XII	**BQLDA ĐTXD Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh**	**37,014**	**36,668**	**36,668**	**0**	**346**	**21,736**	**21,413**	**21,413**	**0**	**323**	**59**	**58**	**94**
	Chuẩn bị đầu tư	1,370	1,370	1,370	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Kênh tiêu suối Ông Hùng	150	150	150			0	0	0			0	0	0
2	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K0 + 850	200	200	200			0	0	0			0	0	0
3	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K1+900 đến K2+500	100	100	100			0	0	0			0	0	0
4	Nạo vét rạch Gò Suối từ Sông Vàm cỏ Đông đến cầu Tá Bàng	200	200	200			0	0	0			0	0	0
5	Gia cố kênh N8 đoạn từ K5+855 - K7+753	100	100	100			0	0	0			0	0	0
6	Gia cố kênh N20 đoạn từ K4-K5+300	100	100	100			0	0	0			0	0	0
7	Xây mới chồi canh lửa - Vườn quốc gia Lò Gò-Xa Mát	50	50	50			0	0	0			0	0	0
8	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Đông Tiến, Tân Đông, Tân Châu	470	470	470			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	35,298	35,298	35,298	0	0	21,413	21,413	21,413	0	0	61	61	0
1	Kênh tiêu Tân Phú - Tân Hưng	3,000	3,000	3,000			855	855	855			28	28	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
2	Phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu - Hạng mục: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T12A, T12-17	2,300	2,300	2,300			1,712	1,712	1,712			74	74	0
3	Phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Phước Ninh, xã Phước Minh huyện DMC - Hạng mục: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T0-2, T0-3, A4	2,000	2,000	2,000			1,771	1,771	1,771			89	89	0
4	Phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu - Hạng mục: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nông thôn nội đồng 02 kênh tiêu T12-13, T12-16	2,000	2,000	2,000			374	374	374			19	19	0
5	Phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Tân Phong, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên - Hạng mục: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 02 kênh tiêu T1, T3	2,200	2,200	2,200			1,500	1,500	1,500			68	68	0
6	Phát triển hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu-Hạng mục: nạo vét kết hợp làm đường giao thông nội đồng 03 kênh tiêu T4B, T4B-0, T4B-3	1,700	1,700	1,700			1,531	1,531	1,531			90	90	0
7	Làm mới và gia cố Kênh TN19-1 đoạn từ K1+299 đến K1+629 và bổ sung cống điều tiết tự tràn tại K1+299	500	500	500			500	500	500			100	100	0
8	Làm mới Cống tiêu luồn K19+800 kênh chính Tân Hưng	2,000	2,000	2,000			1,700	1,700	1,700			85	85	0
9	Xây mới tháp canh lửa - BQL Dầu Tiếng	2,000	2,000	2,000			155	155	155			8	8	0
10	Nâng cấp HTCN Khu dân cư Cầu Sài Gòn 2, Tân Hòa, Tân Châu	8,500	8,500	8,500			7,392	7,392	7,392			87	87	0
11	Nhà tập thể cho CBNV BQL rừng phòng hộ Dầu Tiếng	132	132	132			132	132	132			100	100	0
12	Nâng cấp trụ sở làm việc văn phòng Chi cục bảo vệ thực vật	67	67	67			67	67	67			99	99	0
13	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Hạt Kiểm lâm liên huyện Châu Thành - Bến Cầu	1,300	1,300	1,300			1,129	1,129	1,129			87	87	0
14	Xây mới hệ thống cấp nước ấp Tân Lâm, xã Tân Hà	1,287	1,287	1,287			1,287	1,287	1,287			100	100	0
15	Nâng cấp, sữa chữa hệ thống cấp nước ấp Phước Tân, xã Phước Ninh	135	135	135			135	135	135			100	100	0
16	Cụm liên ấp công trình cấp nước xã Ninh Điền (Bến Cừ - Gò Nổi)	228	228	228			228	228	228			100	100	0
17	Kênh tiêu Hội Thành	29	29	29			29	29	29			98	98	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
18	Nâng cấp sửa chữa hệ thống cấp nước ấp Tân Tiến, xã tân Lập, huyện Tân Biên	273	273	273			272	272	272			100	100	0
19	Nâng cấp hệ thống cấp nước Khu dân cư Chàng Riệc	1,700	1,700	1,700			0	0	0			0	0	0
20	Hàng rào trung tâm Khuyến nông	48	48	48			48	48	48			99	99	0
21	Kênh tiêu T12 - 17	3,300	3,300	3,300			0	0	0			0	0	0
22	Sửa chữa Nhà làm việc Chi cục Kiểm lâm	599	599	599			598	598	598			100	100	0
	Vốn kéo dài	346	0	0	0	346	323	0	0	0	323	94	0	94
1	Làm mới và gia cố kênh TN19-1(K1 + 299-K1 +629) +bsung cống	95	0			95	95	0			95	100	0	100
2	Làm mới Cống tiêu luồng K19 +800 kênh chính Tân Hưng	251	0			251	228	0			228	91	0	91
XIII	**Ban QLDA ĐTXD tỉnh Tây Ninh**	**169,790**	**169,790**	**169,790**	**0**	**0**	**72,998**	**72,998**	**72,998**	**0**	**0**	**43**	**43**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	2,600	2,600	2,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	DTLS Căn cứ Dương Minh Châu xã Phước Ninh, huyện DMC	200	200	200			0	0	0			0	0	0
2	Tu bổ, tôn tạo DTLS Chiến thắng Tua Hai-GĐ2	200	200	200			0	0	0			0	0	0
3	Dự án phục dựng hiện trạng Căn cứ xứ uy Nam Bộ (X40 Đồng Rùm) và một số công trình mới	200	200	200			0	0	0			0	0	0
4	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao (giai đoạn 2)	200	200	200			0	0	0			0	0	0
5	Chống ngập điểm ngập 140ha tại phường Ninh Thạnh	200	200	200			0	0	0			0	0	0
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	200	200	200			0	0	0			0	0	0
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu chính Phước Tân	200	200	200			0	0	0			0	0	0
8	Trường THPT Nguyễn Huệ	100	100	100			0	0	0			0	0	0
9	Trường THPT Nguyễn Trãi	200	200	200			0	0	0			0	0	0
10	Trường THPT Quang Trung (cơ sở 2)	150	150	150			0	0	0			0	0	0
11	Trường THPT Trần Phú	200	200	200			0	0	0			0	0	0
12	Trường THPT Tân Đông	150	150	150			0	0	0			0	0	0
13	Trường THPT Tân Hưng	150	150	150			0	0	0			0	0	0
14	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện tỉnh Tây Ninh	150	150	150			0	0	0			0	0	0
15	Trường Khuyết tật Tây Ninh	100	100	100			0	0	0			0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
	Thực hiện dự án	167,190	167,190	167,190	0	0	72,998	72,998	72,998	0	0	44	44	0
1	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	3,000	3,000	3,000			3,000	3,000	3,000			100	100	0
2	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh (giai đoạn 2)	7,000	7,000	7,000			3,585	3,585	3,585			51	51	0
3	Địa điểm lưu niệm Vành đai diệt Mỹ - Trảng Lớn	3,000	3,000	3,000			3,000	3,000	3,000			100	100	0
4	Hệ thống thoát nước khu vực thành phố Tây Ninh - Hòa Thành	14,300	14,300	14,300			8,390	8,390	8,390			59	59	0
5	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh - giai đoạn 2	6,000	6,000	6,000			2,144	2,144	2,144			36	36	0
6	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	4,300	4,300	4,300			1,818	1,818	1,818			42	42	0
7	Trường THPT Lý Thường Kiệt	11,000	11,000	11,000			6,593	6,593	6,593			60	60	0
8	Trường THPT Tân Châu	8,000	8,000	8,000			7,364	7,364	7,364			92	92	0
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	4,000	4,000	4,000			1,745	1,745	1,745			44	44	0
10	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	6,000	6,000	6,000			3,537	3,537	3,537			59	59	0
11	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	8,000	8,000	8,000			442	442	442			6	6	0
12	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	12,000	12,000	12,000			873	873	873			7	7	0
13	Nâng cấp bệnh viện Lao và Bệnh viện phổi	7,000	7,000	7,000			6,274	6,274	6,274			90	90	0
14	Nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	8,000	8,000	8,000			3,953	3,953	3,953			49	49	0
15	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị Hòa Thành - giai đoạn 1	20,000	20,000	20,000			594	594	594			3	3	0
16	Hệ thống thu gom và xửa lý nước thải thị trấn Châu Thành - giai đoạn 1	15,000	15,000	15,000			657	657	657			4	4	0
17	Chống ngập điểm ngập số 2 tại Khu dân cư khu phố 5, phường 3	3,900	3,900	3,900			2,516	2,516	2,516			65	65	0
18	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Bến Cầu	5,000	5,000	5,000			2,579	2,579	2,579			52	52	0
19	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Trảng Bàng	5,000	5,000	5,000			3,006	3,006	3,006			60	60	0
20	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh huyện Tân Biên	5,000	5,000	5,000			2,775	2,775	2,775			56	56	0
21	Các công trình phục vụ DL sinh thái tại VQG Lò Gò - XM2	730	730	730			730	730	730			100	100	0
22	Cải tạo Trung tâm học tập sinh hoạt Thanh thiếu nhi	10,000	10,000	10,000			7,000	7,000	7,000			70	70	0
23	Trường Trung học phổ thông Quang Trung	86	86	86			86	86	86			100	100	0
24	Xây mới trụ sở làm việc Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh-Chi nhánh Tân Châu	336	336	336			336	336	336			100	100	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
25	Trường THPT Tây Ninh	500	500	500			0	0	0			0	0	0
26	Trung tâm truyền hình (phim trường) - Phần khối lượng còn lại	38	38	38			0	0	0			0	0	0
XIV	**Ban QLDA GMS**	**334,293**	**328,000**	**328,000**	**0**	**6,293**	**94,527**	**88,581**	**88,581**	**0**	**5,945**	**28**	**27**	**94**
	Vốn kéo dài	6,293	0	0	0	6,293	5,945	0	0	0	5,945	94	0	94
1	DA phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mêkông	6,293	0			6,293	5,945	0			5,945	94	0	94
	Thực hiện dự án	328,000	328,000	328,000	0	0	88,581	88,581	88,581	0	0	27	27	0
1	Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kong mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh	328,000	328,000	328,000			88,581	88,581	88,581			27	27	0
XV	**Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng**	**473**	**0**	**0**	**0**	**473**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Vốn kéo dài	473	0	0	0	473	0	0	0	0	0	0	0	0
1	DA trồng mới 5tr ha rừng - Khu rừng PH Dầu Tiếng	473	0			473	0	0			0	0	0	0
XVI	**Công an tỉnh**	**54,515**	**54,515**	**54,515**	**0**	**0**	**31,012**	**31,012**	**31,012**	**0**	**0**	**57**	**57**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	1,090	1,090	1,090	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát hình sự thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	200	200	200			0	0	0			0	0	0
2	Mở rộng trụ sở làm việc Công an thị xã Trảng Bàng	500	500	500			0	0	0			0	0	0
3	Cải tạo sữa chữa trạm Công an kiểm soát xuất nhập cảnh cửa khẩu Xa Mát	50	50	50			0	0	0			0	0	0
4	Cải tạo sữa chữa trạm quản lý xuất nhập cảnh cửa khẩu Mộc Bài	30	30	30			0	0	0			0	0	0
5	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Tân Châu	140	140	140			0	0	0			0	0	0
6	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Gò Dầu	170	170	170			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	53,425	53,425	53,425	0	0	31,012	31,012	31,012	0	0	58	58	0
1	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Tây Ninh	32,025	32,025	32,025			30,000	30,000	30,000			94	94	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	2,000	2,000	2,000			654	654	654			33	33	0
3	Xây hội trường Phòng Cảnh sát PCCC thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	3,500	3,500	3,500			0	0	0			0	0	0
4	Cải tạo, sửa chữa Đồn Công an Khu kinh tế Mộc Bài thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	900	900	900			356	356	356			40	40	0
5	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát hình sự thuộc Công an tỉnh Tây Ninh	5,000	5,000	5,000			0	0	0			0	0	0
6	Mở rộng trụ sở làm việc Công an thị xã Trảng Bàng	10,000	10,000	10,000			1	1	1			0	0	0
XVII	**Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**	**21,079**	**21,079**	**21,079**	**0**	**0**	**11,029**	**11,029**	**11,029**	**0**	**0**	**52**	**52**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	2,600	2,600	2,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Xây dựng doanh trại Đại đội Thiết giáp/Phòng tham mưu	500	500	500			0	0	0			0	0	0
2	Xây dựng doanh trại và thao trường huấn luyện Trung đoàn bộ binh 174 (GĐ 2)	1,000	1,000	1,000			0	0	0			0	0	0
3	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại bộ binh 61/Bến Cầu	200	200	200			0	0	0			0	0	0
4	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại bộ binh 40/Châu Thành	200	200	200			0	0	0			0	0	0
5	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại bộ binh 105/Tân Biên	200	200	200			0	0	0			0	0	0
6	Mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại bộ binh 1/Tân Châu	200	200	200			0	0	0			0	0	0
7	Xây dựng kho vật chất phòng chống lụt bão/Bộ CHQS Tỉnh	300	300	300			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	18,479	18,479	18,479	0	0	11,029	11,029	11,029	0	0	60	60	0
1	Xây dựng doanh trại Đại đội bộ binh 54/Ban CHQS huyện Trảng Bàng	10,000	10,000	10,000			5,134	5,134	5,134			51	51	0
2	Nâng cấp sân nền gạch Terrazzo, sơn P, chống thấm, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt, làm việc Đại đội bộ binh 40/Châu Thành	3,000	3,000	3,000			2,261	2,261	2,261			75	75	0
3	Xây dựng mới kho lưu trữ văn thư/Bộ CHQS tỉnh	2,500	2,500	2,500			1,488	1,488	1,488			60	60	0
4	Xây dựng mới nhà làm việc cơ quan Văn phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2,500	2,500	2,500			1,779	1,779	1,779			71	71	0
5	Trường bắn Bộ CHQS tỉnh Tây Ninh (giai đoạn 2)	443	443	443			368	368	368			83	83	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
6	Xây dựng mới nhà nghỉ cán bộ Bộ CHQS tỉnh	36	36	36			0	0	0			0	0	0
XVIII	**Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**	**87,868**	**87,700**	**87,700**	**0**	**168**	**11,337**	**11,313**	**11,313**	**0**	**24**	**13**	**13**	**14**
	Chuẩn bị đầu tư	1,200	1,200	1,200	0	0	150	150	150	0	0	13	13	0
1	Xây dựng Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài vị trí mới	700	700	700			0	0	0			0	0	0
2	Xây dựng Đồn Biên Phòng cửa khẩu Phước Tân	500	500	500			150	150	150			30	30	0
	Thực hiện dự án	86,500	86,500	86,500	0	0	11,162	11,162	11,162	0	0	13	13	0
1	Đồn biên phòng Tân Hà	9,000	9,000	9,000			5,607	5,607	5,607			62	62	0
2	Mua sắm thiết bị doanh cụ cơ quan Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Tây Ninh	6,000	6,000	6,000			4,499	4,499	4,499			75	75	0
3	Nhà ở và làm việc cho Đội công tác địa bàn xã Tân Lập	1,500	1,500	1,500			904	904	904			60	60	0
4	Đường vào đồn Biên Phòng Suối Lam	50,000	50,000	50,000			152	152	152			0	0	0
5	Dự án lắp đặt hệ thống camera giám sát công nghệ cao tại các cửa khẩu	20,000	20,000	20,000			0	0	0			0	0	0
	Vốn kéo dài	168	0	0	0	168	24	0	0	0	24	14	0	14
1	Đồn biên phòng Tân Hà	51	0			51	0	0			0	0	0	0
2	Đồn biên phòng suối lam	24	0			24	24	0			24	100	0	100
3	Đồn biên phòng Long Phước (847)	93	0			93	0	0			0	0	0	0
XVIX	**Chi cục Kiểm lâm**	**5,017**	**0**	**0**	**0**	**5,017**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Vốn kéo dài	5,017	0	0	0	5,017	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Hạng mục trồng cây phân tán tỉnh TN năm 2018-2020	17	0			17	0	0			0	0	0	0
1	Nâng cao năng lực PCCR tỉnh TN giai đoạn 2016-2020 (nguồn DP NSTW 2019 hỗ trợ cho tỉnh để thực hiện dự án cấp bách về PCCC và BVR năm 2019)	5,000	0	0	0	5,000	0	0		0	0	0	0	0
XX	**Tỉnh đoàn Tây Ninh**	**1,500**	**1,500**	**1,500**	**0**	**0**	**849**	**849**	**849**	**0**	**0**	**57**	**57**	**0**
	Thực hiện dự án	1,500	1,500	1,500	0	0	849	849	849	0	0	57	57	0
1	Cải tạo Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn	1,500	1,500	1,500			849	849	849			57	57	0
XXI	**UBND Thành phố**	**66,118**	**66,118**	**66,118**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Thực hiện dự án	66,118	66,118	66,118	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh	66,118	66,118	66,118			0	0	0			0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
XXII	**UBND huyện Tân Biên**	**18,619**	**18,319**	**18,319**	**0**	**300**	**13,819**	**13,819**	**13,819**	**0**	**0**	**74**	**75**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Mở rộng ngã ba thành ngã tư thị trấn Tân Biên	500	500	500			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	17,819	17,819	17,819	0	0	13,819	13,819	13,819	0	0	78	78	0
1	*Dự án hỗ trợ đầu tư phát triển rừng sản xuất huyện Tân Biên giai đoạn 2020-2025*	4,000	4,000	4,000			0	0	0			0	0	0
2	*Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư Chàng riệc, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, Tây Ninh*	13,819	13,819	13,819			13,819	13,819	13,819			100	100	0
	Vốn kéo dài	300	0	0	0	300	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đề án Qly, PT rừng SX H.Tân Biên gđ 2020-2025	300	0			300	0	0			0	0	0	0
XXIII	**UBND huyện Tân Châu**	**355**	**0**	**0**	**0**	**355**	**155**	**0**	**0**	**0**	**155**	**44**	**0**	**44**
	Vốn kéo dài	355	0	0	0	355	155	0	0	0	155	44	0	44
1	BTHT thu hồi đất XD Doanh trại và thao trường …174	155	0			155	155	0			155	100	0	100
2	Đề án Qly, PT rừng SX H.Tân Châu gđ 2020-2025	200	0			200	0	0			0	0	0	0
XXIV	**BQL DAĐTXD Thành phố Tây Ninh**	**43,000**	**43,000**	**43,000**	**0**	**0**	**13,736**	**13,736**	**13,736**	**0**	**0**	**32**	**32**	**0**
	Thực hiện dự án	43,000	43,000	43,000	0	0	13,736	13,736	13,736	0	0	32	32	0
1	Đình Hiệp Ninh	3,000	3,000	3,000			1,598	1,598	1,598			53	53	0
2	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Tấn Phát	40,000	40,000	40,000			12,138	12,138	12,138			30	30	0
XXV	**BQL DAĐTXD huyện Tân Biên**	**518**	**518**	**518**	**0**	**0**	**518**	**518**	**518**	**0**	**0**	**100**	**100**	**0**
	Thực hiện dự án	518	518	518	0	0	518	518	518	0	0	100	100	0
1	Làm đường và đặt cống vào kênh TT3,TT3-2	518	518	518			518	518	518			100	100	0
XXVI	**BQL DAĐTXD huyện Châu Thành**	**52,300**	**51,000**	**51,000**	**0**	**1,300**	**49,592**	**48,292**	**48,292**	**0**	**1,300**	**95**	**95**	**100**
	Vốn kéo dài	1,300	0	0	0	1,300	1,300	0	0	0	1,300	100	0	100
1	NCMR đường từ Huyện đội - Ngã 3 sọ- ĐH 3- ĐH 4	1,300	0			1,300	1,300	0			1,300	100	0	100
	Thực hiện dự án	51,000	51,000	51,000	0	0	48,292	48,292	48,292	0	0	95	95	0
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Huyện đội – Ngã 3 Sọ - Đường huyện 3 - Đường huyện 4	40,000	40,000	40,000			38,955	38,955	38,955			97	97	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
2	Nâng cấp khoa khám - cấp cứu - Trung tâm y tế huyện Châu Thành	6,000	6,000	6,000			4,526	4,526	4,526			75	75	0
3	Trung tâm VHTT và truyền thanh huyện, khán đài 500 chổ ngồi, sân bóng đá, đường chạy điền kinh và các hạng mục phụ trợ	5,000	5,000	5,000			4,811	4,811	4,811			96	96	0
XXVII	**BQL DAĐTXD huyện Tân Châu**	**30,000**	**30,000**	**30,000**	**0**	**0**	**29,048**	**29,048**	**29,048**	**0**	**0**	**97**	**97**	**0**
	Thực hiện dự án	30,000	30,000	30,000	0	0	29,048	29,048	29,048	0	0	97	97	0
1	Đường ĐH.803 - Tân Hòa (lộ 244)	30,000	30,000	30,000			29,048	29,048	29,048			97	97	0
XXVIII	**BQL DAĐTXD huyện Dương Minh Châu**	**40,220**	**40,220**	**40,220**	**0**	**0**	**21,618**	**21,618**	**21,618**	**0**	**0**	**54**	**54**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	300	300	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đường ĐH9 giai đoạn 2	300	300	300			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	39,920	39,920	39,920	0	0	21,618	21,618	21,618	0	0	54	54	0
1	Xây dựng khoa kiểm soát bệnh tật - Trung tâm y tế huyện Dương Minh Châu	6,000	6,000	6,000			0	0	0			0	0	0
2	Đường Lộ Kiểm đoạn qua 04 xã Phước Ninh, Chà Là, Cầu Khởi, Phước Minh	23,920	23,920	23,920			16,624	16,624	16,624			69	69	0
3	Xây dựng công trình văn hóa TTVHTT và Truyền thanh huyện: Hồ bơi huyện; Khán đài; đường Pit sân bóng chuyền	10,000	10,000	10,000			4,994	4,994	4,994			50	50	0
XXVIX	**BQL DAĐTXD huyện Gò Dầu**	**40,450**	**40,450**	**40,450**	**0**	**0**	**40,000**	**40,000**	**40,000**	**0**	**0**	**99**	**99**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	450	450	450	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn, và các tuyến nhánh)	450	450	450			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	40,000	40,000	40,000	0	0	40,000	40,000	40,000	0	0	100	100	0
1	Nâng cấp, mở rộng đường Cẩm An - Láng Cát	20,000	20,000	20,000			20,000	20,000	20,000			100	100	0
2	Nâng cấp, mở rộng Đường Liên xã Phước Trạch - Hiệp Thạnh - Phước Thạnh	20,000	20,000	20,000			20,000	20,000	20,000			100	100	0
XXX	**BQL DAĐTXD Thị xã Trảng Bàng**	**28,700**	**28,700**	**28,700**	**0**	**0**	**23,579**	**23,579**	**23,579**	**0**	**0**	**82**	**82**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	1,200	1,200	1,200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 2	1,000	1,000	1,000			0	0	0			0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
2	Dự án chống ngập và phát triển hạ tầng kỹ thuật thị xã Trảng Bàng giai đoạn 1	200	200	200			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	27,500	27,500	27,500	0	0	23,579	23,579	23,579	0	0	86	86	0
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m3/ngày - giai đoạn 1	27,500	27,500	27,500			23,579	23,579	23,579			86	86	0
XXXI	**BQL DAĐTXD huyện Bến Cầu**	**2,564**	**2,500**	**2,500**	**0**	**64**	**2,500**	**2,500**	**2,500**	**0**	**0**	**97**	**100**	**0**
	Vốn kéo dài	64	0	0	0	64	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nâng cấp sân vận động huyện Bến Cầu	20	0			20	0	0			0	0	0	0
2	Thành Bảo Long Giang	44	0			44	0	0			0	0	0	0
	Thực hiện dự án	2,500	2,500	2,500	0	0	2,500	2,500	2,500	0	0	100	100	0
1	Thành Bảo Long Giang	2,500	2,500	2,500			2,500	2,500	2,500			100	100	0
XXXII	**BQL DAĐTXD Thị xã Hòa Thành**	**13,200**	**13,200**	**13,200**	**0**	**0**	**12,526**	**12,526**	**12,526**	**0**	**0**	**95**	**95**	**0**
	Thực hiện dự án	13,200	13,200	13,200	0	0	12,526	12,526	12,526	0	0	95	95	0
1	Hệ thống thoát nước và vĩa hè đường Nguyễn Văn Linh (giai đoạn 1)	8,200	8,200	8,200			7,873	7,873	7,873			96	96	0
2	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ đến Quốc lộ 22B, Rạch Sevil	5,000	5,000	5,000			4,653	4,653	4,653			93	93	0
XXXIII	**Ban quản lý Khu rừng văn hóa lịch sử Chàng Riệc**	**262**	**0**	**0**	**0**	**262**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Vốn kéo dài	262	0	0	0	262	0	0	0	0	0	0	0	0
1	DA trồng mới 5tr ha rừng - Khu rừng VHLS Chàng Riệc	262	0			262	0	0			0	0	0	0
XXXIV	**Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát**	**327**	**0**	**0**	**0**	**327**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Vốn kéo dài	327	0	0	0	327	0	0	0	0	0	0	0	0
1	DA trồng mới 5tr ha rừng - Vườn QG Lò gò - Xa mát	327	0			327	0	0			0	0	0	0
XXXV	**Ban quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen**	**1,960**	**1,847**	**1,847**	**0**	**113**	**762**	**762**	**762**	**0**	**0**	**39**	**41**	**0**
	Chuẩn bị đầu tư	347	347	347	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhà bia tưởng niệm Liên đội 7 núi Bà Tây Ninh	347	347	347			0	0	0			0	0	0
	Thực hiện dự án	1,500	1,500	1,500	0	0	762	762	762	0	0	51	51	0
1	Nhà bia tưởng niệm Liên đội 7 núi Bà Tây Ninh	1,500	1,500	1,500			762	762	762			51	51	0
	Vốn kéo dài	113	0	0	0	113	0	0	0	0	0	0	0	0
1	DA trồng mới 5tr ha rừng - khu rừng VHLS Núi Bà	113	0			113	0	0			0	0	0	0
XXXVI	**Văn phòng Đoàn ĐBQH,HĐND và UBND tỉnh**	**2,000**	**2,000**	**2,000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Thực hiện dự án	2,000	2,000	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Dự án	Kế hoạch vốn					Giải ngân đến 10/09/2021					Tỷ lệ giải ngân %		
		Tổng Cộng	Kế hoạch vốn năm 2021			Vốn kéo dài 2020 sang 2021	Tổng cộng	Kế hoạch vốn 2021			Vốn kéo dài	Tổng cộng	KH Vốn 2021	Vốn kéo dài
			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung			Cộng	KH đầu năm	KH bổ sung				
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026	2,000	2,000	2,000			0	0	0			0	0	0
XXXVII	**Hội chữ thập đỏ Tây Ninh**	**1,350**	**1,350**	**1,350**	**0**	**0**	**514**	**514**	**514**	**0**	**0**	**38**	**38**	**0**
	Thực hiện dự án	1,350	1,350	1,350	0	0	514	514	514	0	0	38	38	0
1	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam – tỉnh Tây Ninh	1,350	1,350	1,350			514	514	514			38	38	0
XXXVIII	**Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội**	**25,000**	**25,000**	**25,000**			**25,000**	**25,000**	**25,000**			**100**	**100**	**0**
XXXIX	**Chi đầu tư tạo lập quỹ phát triển đất**	**70,600**	**70,600**	**70,600**			**0**	**0**	**0**			**0**	**0**	**0**
XXXX	**Chưa phân khai**	**28,332**	**28,332**	**28,332**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	**28,332**	**28,332**	**28,332**	**0**	**0**	**0**	**0**				**0**	**0**	**0**
	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững	475	475	475			0	0				0	0	0
	Phát triển lâm nghiệp bền vững	8,205	8,205	8,205			0	0				0	0	0
	Thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện	19,652	19,652	19,652			0	0				0	0	0
B	**HUYỆN QUẢN LÝ**	**2,269,426**	**2,243,668**	**2,015,650**	**228,018**	**25,758**	**1,337,619**	**1,324,661**	**1,295,575**	**29,086**	**12,957**	**59**	**59**	**50**
1	**KẾ HOẠCH GIAO NĂM 2021**	2,015,650	2,015,650	2,015,650			1,295,575	1,295,575	1,295,575			64	64	0
2	**VỐN BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO**	228,018	228,018		228,018		29,086	29,086		29,086		13	13	0
3	**VỐN KÉO DÀI 2020 SANG 2021**	25,758	0			25,758	12,957	0			12,957	50	0	50

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KHĐT;
- VP Sở (đăng Website);
- Lưu VT, P.TCĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH TÂY NINH

Lê Trung Dương